

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
cầm cố quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liêu Bích Nga

Ông Trần Thanh Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cầm cố quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐ-ST ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Ông **A**, sinh năm 1956 và bà **B**, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông A, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2020), (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông A: Ông A1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm A2, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **C**, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 807, đường Q, Khóm 8, Phường 3, thành phố R, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chị D, sinh năm 1977 (có mặt).

3.2 Anh E, sinh năm 1980

Người đại diện theo ủy quyền của chị D, anh E: Bà C, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Số M, đường Q, Khóm S, Phường T, thành phố R, tỉnh Sóc Trăng, (Theo các văn bản ủy quyền ngày 09/9/2022 và ngày 12/9/2022, (có mặt).

3.3 Anh G, sinh năm 1988; địa chỉ: Số M, đường Q, Khóm S, Phường T, thành phố R, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

3.4 Anh H, sinh năm 1983 (chết ngày 25/7/2022)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh H:

+ Bà C, sinh năm 1956; địa chỉ: Số M, đường Q, Khóm S, Phường T, thành phố R, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Em I, sinh ngày 15/7/2014 (có đơn xin vắng mặt).

+ Em K, sinh ngày 14/12/2019

Người đại diện theo pháp luật của I và K: Chị L, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Số U, đường S, Khóm V, Phường X, thành phố R, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Bà C, sinh năm 1956; địa chỉ: Số M, đường Q, Khóm S, Phường T, thành phố R, tỉnh Sóc Trăng, (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022), (có mặt).

3.5 Ông L1 (tên gọi khác L1), sinh năm 1963 (có mặt).

3.6 Bà L2, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L2: Ông L1 (L1), sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2022 (có mặt).

3.7 Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp Xẻo Chích, thị trấn V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Hải, Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H1, Phó Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện P, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ: Ấp Xẻo Chích, thị trấn V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2022) (yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng đồng nguyên đơn ông A và là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp đo đạc thực tế 6.267,7m² là đất của cha ông A là ông D1 tặng cho anh ông A là ông S1 (chồng bà C). Trước đây, ông S1 chuyển nhượng cho ông A và bà B 01 công tầm cây. Ngày 19/02/2004, ông S1 chết, đến ngày 27/3/2004, bà C chuyển nhượng cho vợ chồng ông A bà B diện tích 4,4 công tầm cây, với giá 4,4 lượng vàng 24k. Khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy ngày 27/3/2004, thỏa thuận thanh toán vàng làm hai lần, lần thứ nhất trả 2,2 lượng vàng 24k, lần thứ hai trả 2,2 lượng vàng 24k và 20 gia lúa. Ông A bà B đã thanh toán đủ vàng cho bà C. Đến ngày 20/9/2004, khi thanh toán vàng đợt 2 thì chị D con bà C viết lại giấy sang nhượng lập ngày 20/9/2004, có nội dung bà C chuyển nhượng 05 công đất (tính luôn

phần ông S1 chuyển nhượng), tổng giá trị hai lần chuyển nhượng là 55 chỉ vàng 24k. Từ năm 2004, sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng ông A và bà B sử dụng đến nay. Năm 2015, khi có Đoàn cán bộ địa chính đến để đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết phần đất trên hiện do ông L1 và bà L2 đứng tên, cấp ngày 17/10/2006. Nay vợ chồng ông A và bà B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích nêu trên; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 ông L1 và bà L2 được cấp liên quan đến phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 6.267,7m², tại thửa 447 diện tích 4.250m² và thửa 543 diện tích 1.098m² tờ bản đồ số 10 đất trồng lúa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà C và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D, anh E, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của H và là người đại diện theo ủy quyền của chị L là người đại diện theo pháp luật của I và K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông S1 và bà C, là đất ông S1 được cha mẹ ông S1 cho và cho vợ chồng ông L1 và bà L2 thuê canh tác. Sau khi ông S1 chết ngày 19/02/2004, đến ngày 27/3/2004 bà C đã chuyển nhượng hết đất cho ông A và bà B. Trước khi chuyển nhượng bà C có hỏi ông L1 và bà L2 có nhận chuyển nhượng không, nhưng do ông L1 bà L2 không có tiền mua, nên mới chuyển nhượng cho vợ chồng ông A và bà B với diện tích 4,4 công đất tầm cây giá 4,4 lượng vàng 24k. Ngày 20/9/2004, khi thanh toán vàng đợt 2 thì viết lại giấy nội dung bà C chuyển nhượng cho ông A 05 công đất (tính luôn phần ông S1 chuyển nhượng), tổng giá trị hai lần chuyển nhượng 55 chỉ vàng 24k. Nay vợ chồng ông A và bà B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần đất 05 công tầm cây tọa lạc Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hộ ông L1 và bà L2 liên quan đến phần đất tranh chấp, bà đồng ý vì đất đã chuyển nhượng xong cho ông A và bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L1 và là người đại diện theo ủy quyền của bà L2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp 6.267,7m² là của cha ông L1 là ông D1 tặng cho anh ông là ông S1 (chồng của bà C). Trước đây, do ông S1 đi bộ đội không canh tác nên có cho vợ chồng ông L1 và bà L2 mượn canh tác. Đến năm 1993 ông L1 được cấp quyền sử dụng lần đầu, do ông S1 nhờ đứng tên dùm. Đến năm 2004 ông S1 bệnh nặng có kêu vợ chồng ông nhận chuyển nhượng hẳn, giá 1 công 1 lượng vàng 24k, tổng cộng 4 công bằng 04 lượng vàng 24k, còn một phần thì ông S1 đã bán cho ông A và bà B rồi, nhưng do lúc này không có tiền nên trao đổi với ông A là có toàn bộ đất này cho ông A giá 01 lượng vàng để lấy tiền trả cho ông S1, sau đó giao đất cho ông A canh tác, do ông L1 đi biên khoảng 20 ngày thì ông S1 chết. Khi ông A và bà B mua đất, trả vàng cho bà C, thì ông L1 và bà L2 cũng đã giao đất cho vợ chồng ông A bà B canh tác đến nay; không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 và bà L2 liên quan đến phần đất tranh chấp.

Ông L1 có yêu cầu độc lập ngày 11/11/2021 về hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất với ông A và bà B, buộc ông A và bà B trả lại đất cầm cố, do hiện ông L1 và bà L2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119, cấp đổi ngày

17/10/2006 diện tích đất tranh chấp, là đất cầm cố cho ông A và bà B nhưng chưa nhận vàng của ông A nên không phải trả vàng lại.

Ông A và bà B không đồng ý yêu cầu của ông L1 hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất với ông A và bà B, vì ông A và bà B không nhận đất cầm cố của ông L1 mà chuyển nhượng từ ông S1 và bà C.

Bà C không đồng ý yêu cầu của ông L1 hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất với ông A và bà B, vì là đất bà C chuyển nhượng cho ông A và bà B, không chuyển nhượng cho ông L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G trình bày: Thống nhất như trình bày của bị đơn bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu trình bày tại Công văn số 33/BC-TNMT ngày 22/02/2022 và Số 614/UBND-NC ngày 07/3/2022: Việc Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 năm 1994 và cấp đổi cho ông L1 và bà L2 năm 2006 không đo đạc thực tế, mà chỉ trích lục từ bản đồ địa chính. Việc Tòa giải quyết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 cấp ngày 17/10/2006 diện tích đất tranh chấp, thì đề nghị tuyên hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhằm đảm bảo việc thu hồi cấp lại theo đúng quy định.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cho rằng: Nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bị đơn thừa nhận đất đã chuyển nhượng là sự kiện không phải chứng minh, đề nghị Tòa án công nhận theo quy định của pháp luật. Diện tích đất tranh chấp nêu trên, ông L1 có yêu cầu độc lập hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với ông A và bà B, buộc ông A và bà B trả lại đất cầm cố, nhưng ông A và bà B và bà C không thừa nhận, cũng không có căn cứ chứng minh. Việc ông L1 và bà L2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119, cấp đổi ngày 17/10/2006 diện tích đất tranh chấp, là do đứng tên dùm và là cấp không đo đạc thực tế, mà chỉ trích lục từ bản đồ địa chính, được Ủy ban nhân dân huyện P xác nhận. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị chấp thuận yêu cầu của đồng nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu của ông L1 hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất với ông A và bà B, vì là đất bà C chuyển nhượng cho ông A và bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đồng nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được bị đơn thừa nhận là đất đã chuyển nhượng cho đồng nguyên đơn, không phải chuyển nhượng cho ông L1. Việc ông L1 và bà L2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119, cấp đổi ngày 17/10/2006 diện tích đất tranh chấp, là đứng tên dùm và không đúng chủ sử dụng đất. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, chấp thuận yêu cầu của ông A và bà B về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không chấp nhận yêu cầu của ông L1 về hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P có đơn xét xử vắng mặt, B, L2, I có đơn vắng mặt và có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn ông A và bà B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 ông L1 và bà L2 được cấp ngày 17/10/2006 diện tích đất đo đạc thực tế là 6.267,7m², căn cứ khoản 1, 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp nguyên đơn yêu cầu công nhận và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2021 và sơ đồ mặt bằng hiện trạng đất ngày 12/3/2021 có diện tích 6.267,7m² tọa lạc tại Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, gồm hai phần, vị trí như sau:

Phần 1: Diện tích 849,4m²

- Hướng Đông giáp đất bà E1 là 17, 25m.
- Hướng Tây giáp đất ông G1 là 8,70m.
- Hướng Nam giáp đất ông A 66,71m.
- Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi (nội đồng) là 65,76m.

Phần 2: Diện tích 5.418,3m²

- Hướng Đông giáp đất bà E1 là 80,23m.
- Hướng Tây giáp đất ông K1 và K2 là 85,16m.
- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi (nội đồng) là 65,54m.
- Hướng Bắc giáp đất bà I1 là 66,29m.

Diện tích đất tranh chấp nêu trên hiện trạng là đất trồng lúa do ông A và bà B quản lý sử dụng; cơ quan chuyên môn xác định là thuộc thửa 447 và thửa 543 tờ bản đồ số 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 ông L1 và bà L2 được cấp ngày 17/10/2006.

[3] Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông D1 tặng cho ông S1 (chồng bà C). Năm 1993 ông L1 được cấp quyền sử dụng lần đầu, do ông S1 nhờ đứng tên dùm và năm 2006 ông L1 và bà L2 đứng tên là do cấp đổi lại.

[4] Diện tích đất tranh chấp 6.267,7m² đồng nguyên đơn ông A và bà B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được bị đơn bà C thừa nhận

là đất đã chuyển nhượng cho đồng nguyên đơn từ năm 2004, không phải chuyển nhượng cho ông L1. Ông A và bà B đã thanh toán đủ tiền chuyển nhượng, cũng đã nhận đất canh tác sử dụng ổn định đến nay. Tại thời điểm lập giấy chuyển nhượng chỉ có bà C ký tên chuyển nhượng, không có ý kiến của các con bà C, nhưng các con bà C cũng đồng ý việc chuyển nhượng. Do vậy, thủ tục chuyển nhượng về hình thức và nội dung tuy không đảm bảo theo quy định của pháp luật, nhưng các bên thống nhất thừa nhận, nên có căn cứ là đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông A và bà B. Ông L1 cho rằng đất của ông nhận chuyển nhượng của bà C 04 công, chưa thanh toán tiền và cầm cố cho ông A là không có cơ sở chấp nhận. Trên thực tế tuy cơ quan chuyên môn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số C 151147 cho ông L1 (L1) ngày 23/4/1994, sau đó cấp đổi tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 ông L1 và bà L2 được cấp ngày 17/10/2006, tại thửa 447 diện tích 4.250m² và thửa 543 diện tích 1.098m² tờ bản đồ số 10 đất trồng lúa, nhưng thực tế ông L1 cũng thừa nhận đất tranh chấp 6.267,7m² là của ông S1 (chồng bà C), năm 1993 ông L1 được cấp quyền sử dụng lần đầu, do ông S1 nhờ đứng tên dùm và có căn cứ phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 ông L1 và bà L2 được cấp ngày 17/10/2006 diện tích 6.267,7m² đất tại thửa 447 và thửa 543 tờ bản đồ số 10 đất trồng lúa, chấp nhận như đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.921.040 đồng, đồng nguyên đơn ông A và bà B đồng ý tự nguyện nộp không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định, được miễn án phí. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, buộc ông L1 (L1) phải nộp 300.000 đồng. Ông L1 (L1) đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0000703 ngày 12/11/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chuyển thu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26, khoản 1, 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 101, 104, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 129 Bộ luật Dân sự, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông A và bà B và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.267,7m² đất tọa lạc tại Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L1 (L1) yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông L1 (L1) với ông A và bà B đối với 04 (bốn) công tằm cây đất, đo đạc thực tế diện tích 5.418,3m² đất trồng lúa.

3. Công nhận diện tích đất 6.267,7m² tọa lạc tại Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, thuộc quyền sử dụng của ông A và bà B gồm hai phần, vị trí cụ thể như sau:

Phần 1: Diện tích 849,4m²

- Hướng Đông giáp đất bà E1 là 17, 25m.
- Hướng Tây giáp đất ông G1 là 8,70m.
- Hướng Nam giáp đất ông A 66,71m.
- Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi (nội đồng) là 65,76m.

Phần 2: Diện tích 5.418,3m²

- Hướng Đông giáp đất bà E1 là 80,23m.
- Hướng Tây giáp đất ông K1 và K2 là 85,16m.
- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi (nội đồng) là 65,54m.
- Hướng Bắc giáp đất bà I1 là 66,29m.

3. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AG 989119 Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17/10/2006 cho Hộ ông L1 (L1) và bà L2 đất tọa lạc tại Ấp M, Xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 5.418,3m² thuộc thửa 447 và diện tích 849,4m² thửa 543 tờ bản đồ số 10, tổng diện tích 6.267,7m².

Ông A và bà B có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.921.040 đồng, đồng nguyên đơn ông A và bà B Dừng tự nguyện nộp, đã dự nộp đủ.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà C được miễn nộp án phí theo quy định. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, buộc ông L1 (L1) phải nộp 300.000 đồng. Ông L1 (L1) đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000703 ngày 12/11/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương